



Vào thời cổ Việt, thành Nại La (Thăng Long) nổi lên nằm bên sông Hoa Lô ở vị trí trung tâm, địa giao thông liên lạc, lại rộng rãi hơn Hoa Lô, những người lái, trên phương diện chiến lược quân sự thời bấy giờ thì thành Nại La không kém cạnh thành Hoa Lô. Hoa Lô xưa bên giới Trung Hoa bên Nại La cái dòng bồi lấp những biển, những bãi lầy lội, nên người Trung Hoa không dám công. Chính vì Nại La gần Trung Hoa, địa giao thông liên lạc nên nhà cầm quyền Trung Hoa chọn Nại La làm thủ phủ của Giao Châu (cổ Việt) do hội họa và cũng chính vì thế mà nhà Ninh, và nhà Tiền Lê bỏ Cổ Loa (Nông An, Phúc Yên), kinh đô của Ngô Quyền, gần Nại La, và chọn Hoa Lô làm thủ phủ để tránh áp lực tấn công của Trung Hoa.

Ngoài những việc nổi lên trong chiều dài, việc đời nổi của Lý Thái Tổ còn **ba ngoài trời nhốt ngựa nhà xa khách**. Thôn nhốt, Lý Thái Tổ gọi người Cổ Pháp (Bắc Ninh), gần thành Nại La. Thôn nhốt, Bắc Ninh là vùng có nhiều chùa, trong đó có chùa của các vị thầy của Lý Thái Tổ như các thầy Khánh Vân, Văn Hành. Các thầy này hầu như là những người cho cuộc nổi dậy của Lý Thái Tổ. Thôn nhốt, vùng Hoa Lô là nhà sinh hoạt của nhà gia tộc nhà Tiền Lê. Lý Thái Tổ là nhà Tiền Lê và cũng chính quyền. Cuộc nổi dậy bên ngoài xem ra êm ái, những mối nhà gia tộc nhờ nhà Tiền Lê thể hiện cũng có phần ổn. Các chức Lý Thái Tổ lo ngại về việc con lại của nhà Tiền Lê hoặc do ảnh hưởng của cuộc nổi dậy, không muốn ở lại nhà con nhiều ảnh hưởng của triều nhà trước. Những việc này làm người nhà chính trị như Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lô ra Nại La (Thăng Long).

Nhằm thu hút quân chúng trong giai đoạn nổi Việt con nhiều mặt trận đồ non, Lý Thái Tổ tuyền báo rằng khi nhà vua đi thuyền trên Nại La, có một con rồng xuất hiện báo niềm lành, nên cho nổi tên Nại La thành Thăng Long (rồng bay).

## 2.- Nổi trời

Vào lên ngôi vua, Lý Thái Tổ lập hoàng tử ở trường là **Phật Ma đản tha tử**. Sau khi dời đô ra Thăng Long, Lý Thái Tổ liền nổi tên châu Cổ Pháp thành phủ Thiên Đức, thành Hoa Lô gọi là phủ Trường Yên (hay Trường An). Tháng 12 năm nổi (âm lịch) nhà vua chia nổi làm 24 lộ gọi Hoàn Châu và All Châu lại (5).

Nếu cho thái tử Phật Ma đản tha tử, vua phong Phật Ma đản tha tử là **Khai Thiên Võng** và cho làm cung riêng, sinh sống ở ngoài thành năm 1012 (nhằm ty). Năm 1013 (quyển), Lý Thái Tổ nghĩ nghĩ lại nhà thuế các loại nhỏ sau: 1) ao, ruộng đất; 2) bãi đất; 3) sản vật ở núi rừng; 4) mặt nước nội quan; 5) sông te, ngựa voi, hồng liễu; 6) thuế gọi hoa quả miền núi. Việc quân lý các loại thuế các thời khác nhau nổi vua giao cho các võng, hầu và cũng chùa.

Năm 1018 (mậu ngọ), Lý Thái Tổ sai các quan Nguyễn Nãi Thanh và Phạm Hải Nhô sang nhà Tống (Trung Hoa) xin thành kinh *Tam tạng* trong Phật giáo, (6) và nổi nhà Tống thuận tình. Ngay khi lên ngôi, Lý Thái Tổ nhà xây dựng nhiều chùa tại Thăng Long cũng như tại Bắc Ninh và các vùng lân cận.

Nhiều người khác nhất trong công cuộc nổi trời của Lý Thái Tổ là các sắc dân ở các miền núi phía bắc cũng như phía nam chèo chèo than phục, thông nổi dạy cho nổi, nên nhà vua phải liên tiếp cho quân đi bình nhốt.

Năm 1011 (tân hợi), Lý Thái Tổ thân chinh nhà vùng Côi Long (Quảng Hòa, Thanh Hóa ngày nay). Năm 1013 (quyển), vua cũng phải tới mình cầm quân dẹp cuộc chống nổi của châu Vô Long (Tuyên Quang ngày nay). Năm 1014 (giáp dần), người Man tấn công ở vùng biển giới, tại châu Bình Lâm (Hải Tuyên?), vua sai hoàng tử Khai, tức **Dộc Thành Võng** nhà nuôi. Năm 1015 (ất mạp), châu Vô Long lại nổi lên lần nữa, vua cử Độc Thành Võng cùng hoàng tử Hoàng, tức **Vũ Đức Võng**, nhà bắt nổi việc tu ở trường trên nhà Hải An Tuấn đem về giới ở kinh đô. Năm 1022 (nhằm tuất), Độc Thành Võng lại nổi vua cử cầm quân tiêu trừ vùng Nại Nguyễn Lịch (khoảng vùng tây bắc Quảng Yên), giáp giới Trung Hoa. Năm 1024 (giáp ty), Lý Thái Tổ sai thái tử Khai Thiên Võng Phật Ma đản tha tử dẹp loạn vùng Phong Châu (khoảng vùng Sơn Tây ngày nay), và một hoàng tử khác tên Bột tức **Khai Quốc Võng**, nên

bình nŏnh vung Nŏi Kim (Tuyeŏn Quang ngay nay). Năm 1026 (bính dŏn), Phŏt Mŏi cŏm quŏn đep loŏn ōi Dieŏn Chŏu (Ngheŏi An ngay nay); rồi năm sau Phŏt Mŏi lŏi phŏt đep loŏn ōi chŏu Thŏt Nguyeŏn (Thŏt Kheŏi Lŏng Sŏn), con hoŏng tŏi Lŏc, tŏi **Nŏi Chinh Vŏng** nŏn nŏnh vung Vŏn Chŏu (Vŏn Uyeŏn, Lŏng Sŏn).(7)

### 3.- Ngoŏi giao

Sau khi lŏi nŏn nŏnh Tieuŏn Leŏi vŏi ngoŏi vua, Lyi Thŏi Toŏng hŏ ngay nŏn vieŏ yeu cau Trung Hoa thŏn nŏnh chŏnh quyŏn cuŏi minh, lieŏn cŏi Lŏng Nŏi Vŏn vŏi Leŏi Taiŏ Nghieŏm nŏi sŏi sang Trung Hoa cau phong thang 2 năm canh tuŏt (1010). Trieu nŏnh nŏi Toŏng cau trŏi nhŏng Vua Toŏng Chŏn Toŏng (trŏi vŏi 1004-1022) cho rŏng hŏi Leŏi theŏ hŏi Nŏi nŏi, thi hŏi Lyi theŏ hŏi Leŏi cŏng nŏi, nŏn nhŏng yŏi sŏi phong Lyi Thŏi Toŏng **Giao Chŏ Quŏi Vŏng**, lŏnh Tŏnh Hai Quŏn Tieuŏn nŏi sŏi (8) Tŏi nŏi vieŏ giao thiŏp giŏa hai bŏn toŏi nŏp. Năm 1016 (bính thŏn), vua Toŏng lŏi gia phong cho Lyi Thŏi Toŏng **Nam Binh Vŏng**.

Vŏi phŏi nam, vua Chieŏm Thanh cŏng ōi sang tŏng mŏi con sŏ tŏi vŏi năm 1011 (tŏi hŏi).(8) Nŏi Chŏn Lap (Chen-la, nay lŏi Cambodia) cŏng cŏi sŏi giŏa mang tŏng phŏi sang lieŏn lŏc ngoŏi giao. Tŏi nŏi Chieŏm Thanh vŏi Chŏn Lap thŏng cŏi phŏi nŏn nŏn thŏi viŏng giao hŏi.

Trŏi vŏi nŏn năm 1028 (mŏi thŏn), vua Lyi Thŏi Toŏng tŏi trŏi mŏng 3 thang 3 (ŏi lŏch), nŏi ngoŏi lŏi cho thŏi tŏi Lyi Phŏt Mŏi

## II.- LYI THŏI TŏNG (trŏi vŏi 1028-1054)

**Nieŏ hieŏ:** Thieŏ Thanh (1028-1033), Thŏng Thuy (1034-1038), Can Phŏi Hŏi Nŏi (1039-1041), Minh Nŏi (1042-1043), Thieŏ Cŏm Thanh Vŏi (1044-1048), Sung Hŏng Nŏi bŏi (1049-1054)

### 1.- Vieŏ leŏ ngoŏi

Ngay ngay Lyi Thŏi Toŏng tŏi trŏi, cau hoŏng tŏi Vuŏi Nŏi Vŏng, Dŏc Thanh Vŏng vŏi Nŏi Chinh Vŏng lieŏn ket vŏi nhau, nŏm quŏn riŏng cuŏi mŏi ngŏi vŏi thanh Thŏng Long, nŏnh bŏi thŏi tŏi Phŏt Mŏi tranh giŏnh ngoŏi bŏi. Hoŏn quŏn Lyi Nŏi Nghŏa ŏng hŏi Phŏt Mŏi cŏng cau tŏi lŏnh cŏng quyŏt nŏm quŏn chŏng lŏi cau hoŏng tŏi Tŏng quŏn Leŏi Phung Hieŏ hŏi sŏi Vuŏi Nŏi Vŏng, hai hoŏng tŏi kŏi bŏi chŏi, cuŏi nŏi chŏnh bŏi đep tan ngay.

Ngay mŏng 4-3-mŏi thŏn (1028), thŏi tŏi Phŏt Mŏi lŏi ngoŏi vua, tŏi Lyi Thŏi Toŏng. Dŏc Thanh Vŏng vŏi Nŏi Chinh Vŏng xin thŏi tŏi; vua Thŏi Toŏng lieŏn tha thŏi vŏi cho cau hai phŏc lŏi chŏc cuŏi Chŏnh vŏi sŏi nŏi loŏn nay mŏi vua Thŏi Toŏng nŏi lŏi hŏng năm, cau quŏn phŏi tŏi hŏi ōi nŏi **Nŏi Coŏi Lang Yŏn Thŏi**, Hai Nŏi), lŏm leŏ nŏi lŏi theŏ nŏi yŏn hŏ sau: "*Lŏm con phŏi hieŏ, lŏm toŏi phŏi trung, ai bŏi hieŏ bŏi trung, xin quyŏi hŏ lŏm toŏi*".(9) Vieŏn quŏn nŏi trŏi khŏng nŏn hŏi theŏ bŏi phŏi nŏnh 50 trŏng. **Leŏi theŏ hŏng năm nŏi cau trieŏ nŏi sau giŏi mŏi cho nŏn theŏ kyŏi 17.**

Cŏi theŏ Thŏi Toŏng đŏi dŏi vŏi cau em nŏn mŏi ngŏi em khŏi lŏi Khai Quŏc Vŏng (tŏi Bŏ) nŏi loŏn ōi Trŏng Yŏn (Hoa Lŏ) vŏi thang 4 năm mŏi thŏn. Thŏi Toŏng thŏn chŏnh nŏm quŏn vŏi nŏnh. Khai Quŏc Vŏng nŏi hŏng. Thŏi Toŏng tha thŏi nhŏng khi rŏi lui, Thŏi Toŏng nŏi luŏn Khai Quŏc Vŏng vŏi Thŏng Long, giŏa cho ngŏi khŏi cau quŏn Trŏng Yŏn. Nŏi nŏn nŏi trieŏ cŏng, khi vŏi lŏi kinh nŏi Thŏi Toŏng lŏp ngay con lŏi **Lyŏi Hŏi Toŏi lŏm thŏi tŏi** thang 5 năm nŏi. Năm 1033, thŏi tŏi Nŏi Toŏi nŏi phong tŏi hieŏ lŏi **Khai Hoŏng Vŏng**.

### 2.- Nŏi trŏi

Nŏi khŏyŏn khŏch nhŏng dŏn cau cau, mŏi mang nhŏng nghieŏ, năm 1032 (nŏi thŏn), Lyi Thŏi Toŏng nŏi ra lŏm **leŏi chŏi nŏi** tŏi vung sŏng Nŏi Nŏi (vung Nam Nŏi ngay nay). Vŏi phŏi dieŏn hŏng chŏnh, vua nŏi **Hoŏn Chŏi thŏn trŏi Ngheŏi An** năm 1036 (bính ty), vŏi bŏn **hŏnh thŏ** năm 1042 (nŏi ngo), (10) nŏnh lŏi lŏi theo nŏi vua cŏm bŏi hoŏng năm (11) trŏi 18 tuŏi, phŏi nŏng nhŏng tŏi trŏi cau, cŏi cuŏi vŏi gian dŏm. Sau nŏi nŏi vua ra lŏnh nhŏng ngŏi trŏi 70 tuŏi, hoŏc đŏi 15 tuŏi, hoŏc tŏi quyŏn hŏi hŏi

thần với nhà vua nước phép nộp tiền chuộc tội, trở không ai phạm vào tội thập ác. (12) Vua nhà một quái chuông lớn năm 1052 (nhằm Thìn) ô sấm tróc niên vua thiết triều, dân chúng coi gì oan ức thì nảnh chuông nể thâu tại vua.

Giống nhà vua cha, Thái Tông rất mộ đạo Phật, tiếp tục cho xây nhiều chùa tại kinh nội trong nội ngoả chùa nổi tiếng nhất xây năm 1049 (kyisou) là **chùa Diên Hựu** hay **chùa Một Cột** (13)

Khi nhà Lý mới thành lập, các vùng ngoài biên thông hay lam loạn. Vua Thái Tông nhà cõisang kiến môi trường kết giao nểgiới yên bờ cõi. Năm 1029 (kyit), vua gả công chúa Bình Đông cho châu mục Lạng Châu (Lạng Sơn ngày nay) là Thân Thiệu Thái; gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu (Vĩnh Thông và Lâm Thao ngày nay) là Lê Tông Thuận; gả công chúa Trùng Ninh cho châu mục Thống Oai [không rõ đời nào] là Hạo Thiên Lâm.

Thái Tông phải tội cam quan nể dẹp loạn ôi Ai Châu (Thanh Hoá) năm 1029 (kyit), Hoan Châu (Nghệ An) năm 1031 (tân mui), châu Ninh Nguyên (không rõ đời nào) năm 1033 (quyidau), Ai Châu lại nổi năm 1035 (át hồi), Lâm Tây năm 1037 (ninh sou), bắt giết **Nung Toá Phúc** ôi châu Quảng Nguyên (Cao Bằng ngày nay) năm 1039 (kyima).

Con của Nung Toá Phúc là **Nung Trí Cao** lại nổi lên nơi tởi trò ôi châu Thái Do (thuộc Cao Bằng ngày nay) vào cuối năm 1041 (tân t), nể Thái Do thành nước Nại Lịch. Thái Tông công ôi nảnh bắt nước Trí Cao nể về Thái Long. Nể thu phục các sắc dân vùng rừng núi biên giới, Thái Tông chăng những tha cho Trí Cao maicon phong cho lam châu mục Quảng Nguyên. Năm sau (1042), ngô ôi Văn Châu (Lạng Sơn) nổi dậy, thái tởi Nhật Tôn nể cam quan nể tiêu trừ. Dầu vậy, ngô ôi Văn Châu cũng chõa thần phục, nổi lên lại nể vào năm 1043 (quyidau), Thái Tông sai hoàng tởi Nhật Trung, tởi **Phùng Kiên Võng**, nể nảnh, vì thái tởi Khai Thiên Võng Nhật Tôn nể nước gô nể dẹp loạn ôi Ai Châu (Thanh Hoá).

Dầu nể nước Thái Tông tha mạng, lại phong cho lam châu mục Quảng Do, rồi gia phong chõi thái bả, ban cho một quái nể, Nung Trí Cao vẫn nổi lên chống lại triều nể năm 1048 (mau ty), tởi xông lam vua nước Nại Nam, nể nể nể hểu là Cảnh Thụy. Lý Thái Tông sai thái uy Quách Thành Đạt nể nảnh, những không nước phải lui quân. Nung Trí Cao xin quy thuận nhà Tống bên Trung Hoa, những vua Tống không cho. Nung Trí Cao quay qua nể chiếm Ung Châu (Nam Ninh, Quảng Tây ngày nay) của nhà Tống. Thế lốc của Trí Cao càng ngày càng lan rộng. Vua Tống Chân Tông (trò vì 1028-1064) phải cõi danh tởi Nêch Thanh (1008-1057) nể nể nuôi Trí Cao năm 1053 (quyit). Trí Cao thua chạy qua nước Nại Lý (Văn Nam, Trung Hoa ngày nay); rồi bỏ ngô ôi nhà phòng bắt giết.

### 3.- Ngoại giao

Nể nhà Lý bả tin, vua Tống Chân Tông cõisang lam leviếng Lý Thái Tô và sắc phong Lý Thái Tông lam **Giao Chỉ Qua Võng** năm 1029 (kyit). Sõ giao thiệp giữa nước ta và Trung Hoa rất tởi nể cho nể hết nể Lý Thái Tông, nể biết năm 1034 (giap tuat), khi hai sõ giao Hạo Thui và Nôa Khoan nể bieu nhà Tống một con voi nể thuận thực, vua Tống tặng lại vua Lý bả **Nại Tạng kinh** nể nể lệ vào năm 1038 (mau dan), nhà Tống gia phong Lý Thái Tông lam **Nam Bình Võng**.

Về phía nam, vua Chân Lập (Chen-la, Cambodia ngày nay) cõisang tham viếng ngoài giao năm 1033 (quyidau) và 1039 (kyima), những nước Chiêm Thành thì không cõi gõi sang giao thiệp. Cuối năm 1039, một số thu lãn ôi bả Chiêm Thành, vùng Bả Chính (vùng Quảng Bình ngày nay), nể bỏ thuộc sang xin thần phục nước ta.

Nể năm 1044 (giap than), Lý Thái Tông tởi mình thần chinh sang nể Chiêm Thành. Khi ra cõi Nại Ai, gõi em song lãn, vua nể thanh cõi **Nại An** (Nam Ninh ngày nay). Vua vào cõi Ôi Long (cõi Tô Hiến, Thõ Thiên ngày nay), tởi công thanh **Phật Thế** lãn Nguyệt Bieu, huyện Hồng Thụy, tởi Thõ Thiên ngày nay). Vua Chiêm là Sai Nể cam quan khang cõi tởi tởi. Thái Tông cho bắt ngô ôi, cõi của rồi rút lui. Trong sãng ôi bỏ bắt, cõi với Sai Nể là **Mi E**. Khi tởi về kinh nể Thái Long, Thái Tông cho

với Mĩ Eān gặp mặt tại niên Lĩ Nhai (Lôi Nhai, Hả Nhai ngay nay). Mĩ Eāgieo mình xuống sông tời tiết.

Năm 1048 (mậu ty), Ly Thái Tông cời Phung Trí Nhai nếm quân nhai Ai Lao (Laos ngay nay). Dời nời vua này, nời ta bời nời nết vào năm 1053 (quy tĩ), không thay ghi sời thiết hải.

Ly Thái Tông làm vua nời năm 1054 (giáp ngọ) thì tời trah ngay mering Mĩ tháng 10 (âm lịch), nời ngoi lai cho con lai thại tời Khai Hoang Võng Nhai Toin.

### III.- LY THINH TONG (1054-1072)

**Nieā hieā:** Long Thuy Thai Binh (1054-1058), Chōng Thanh Gia Khanh (1059-1065), Long Chōng Thien Tōi (1066-1067), Thien Huong Baō Tōng (1068), Than Voi (1069-1072).

#### 1.- Noātrō

Vào tháng 7 năm giáp ngọ, bời nhuom bẻnh va bẻnh mình sạp mặt, Ly Thái Tông giao cho thại tời Nhai Toin chu tời công việc triều nình, nời khi Thái Tông qua nời, thại tời Nhai Toin nếm vōng triều nình, leri keāvō, tōic vua Ly Thinh Tông.

Cōi leri nhai thay tōi chōic chính quyēn nōic ta nời vōng vang va khai mnh, neri vōi leri ngoi, Ly Thinh Tông nời quōc hieū tōi Nhai Cōi Viet (nết ra tōi thōi Nhin Tien Hoang) sang Nhai Viet

Vēi triều nình, năm 1059 (ky hōi), Thinh Tông che triều phuc, ra leri cho cāic quan nōi muōc cāic chuan bang vai, (14) nī hia (giay) bang da vào chāi. Năm 1066 (bính ngọ), Thinh Tông mōi cōi con trai tēn lai **Cāo Nōi** leri nết làm thại tōi

Vēi luật pháp, Ly Thinh Tông lai mōi vō vua nời tieg nhai tōi thōng dān, chām lo việc nōic. Năm 1055 (āt mui), tōi quai leri, vua ra leri phạt chieū mēn cho tu phām va cho ān ngay hai bōi. Mōi lai khac, năm 1064 (giáp thìn), vua khoan hōng cho tu phām va ra leri: "*Daā khoāg bieāg, tōi mnh lai mnh mēn phā tōi lōi ta xōi xa lai. Tōi nay, khoāg cōi lōi nāi hay nhei cōi phā xē xōi mōi cāic rōng rāi tha cho tōi phām lai lai.*" (15) Trōic này, Thái Tông cho pēp nōng ngōi phām tōi giay hay tēi hay hōi thān vōi nhai vua nōic pēp nōp tien chuoic tōi. Năm 1071 (tān hōi) Thinh Tông nōnh rōi việc nōp tien chuoic tōi này nheū hay ít tuy theo tōi nāng hay nhei.

Vēi vān hōi hōi thuāt, năm 1060 (canh ty), vua cho phien dōch **nhai khuē va nēi nāi trōng cūi Chieān Thān**, sai nhai công ca hải. Năm 1070, vua ra leri lập **Vāi mēi** oikinh nōi tāt tōng Chu Công, Khōng Tōi tōi phōi, (16) vēi hinh tōng 72 hien triēt trong Nho giay nết thōi Vāi mēi, va sai thại tōi tōi nōi hōc tāt.

Tōi thōi Thinh Tông, cāic sāt tōi cāic chāi mēn bẻn giōi bāt nāi thān phuc chính quyēn trung oōng neri ít nōi dāy. Nāy lai dāi hieū tōi vēi sōi lōn mnh của nōic Nhai Viet thōng nhat dōi chính quyēn trung oōng oī Thāng Long.

#### 2.- Ngoai giao

Khi vōi leri nōi nghiēp vua cha, Ly Thinh Tông sai sōi sang Trung Hoa cāi phōi Nhai Toin leri cōi sōi giay sang làm leri vēng Ly Thái Tông va phōng Ly Thinh Tông làm **Giao Chā Quā Vōng** năm 1055 (āt mui). Vào gān cōi nōi Tông Chān Tông, ngōi Lieū oī phōng bāt thōng uy hiep va nōi Trung Hoa nāp công. Trong khi nōi Nhai Viet cāng ngay cāng lōn mnh, neri tuy lai nōic nōi nōng Nhai Viet bāt nāi tōi ra ít nēnāng Trung Hoa. Năm 1059 (ky hōi), vua Thinh Tông sai quān sang nānh Khām Chāi, nōng khi neri nōi chā nē dōi xōng rōi ruit quān vēi Sōi cūi chep rāng: "*Cuōi hāh quāi này lai gheū tōi trāi trōi.*" (17)

Năm 1060 (canh ty), chāi mēi Lang Chāi (Lang Sōn) lai Thān Thieū Thai nānh nōi nōi nōng ngōi Trung Hoa trōn vào Nhai Viet. Oīg nāi cho quān trah qua bẻn giōi bāt mōi vēi tōng Tông lai Dōng Baō Tai nēm vēi Nhai Tōng tōi chōic mōi hōi nghō giōi hai nōic tāt Ung Chāi (Quāng Tāy). Tai cōi hōi này, sōi Trung Hoa lai Dō Tōnh nēnāng sōi Nhai Viet thāi Dōng Baō Tai, nōng phā Nhai Viet không chāp nhai.

Năm 1064 (giáp thìn), Tống Anh Tông (trò vì 1064-1067) lên ngôi Chân Tông; vua Lý Thánh Tông cõisõigiasang möng. Ba năm sau (1067, nhĩn mùi), sõi Tống sang phong vua Lý là **Nam Bình Võng**.

Về phía các nước phương nam, Chiêm Thành (năm 1055, át mùi), Chân Lạp (năm 1056, bính thân) ñeu cõisõigiasang tham việng hõu nghò. Năm bết, năm 1067 (nhĩn mùi), hai nước Ngõu Hõng (ngõoi Thái, Sơn La ngày nay) và Ai Lao cũng cõigõi ngõoi ñem leavã sang tham xaõgiao.

### 3.- Mõuõõivephõng nam

Tại Chiêm Thành, vua **CheCu** (Rudravarman III) lên ngôi năm 1061. Tuy bề ngoài vẫn tiếp tục hoà thuận với Nãi Việt, ñõng CheCu ñam tham chuan bõ chiến tranh chống Nãi Việt, và mõi man tãn cõng nước ta năm 1068. (18) Năm sau (kyidãu, 1069), Lý Thánh Tông tõi cãm quãn trãi ñuã Chiêm Thành. (19) Quãn Việt, do **LyThõng Kieã** (1919-1105) làm nguyên soãi ñi tiến phong, ñã vào cõi Thõ Nãi, chiếm kinh ñõi Chiêm Thành là **Nõi Ban** (Bình Nhõn ngày nay), bắt vua Chiêm là **CheCu** ñõa veõ giam õi Thãng Long. CheCu ñin cãt ñãt ba chãu phía bãc Chiêm Thành là **BoChĩnh** (Hã Tõn và bãc Quãng Bĩnh), **Nõa Ly** (trung và nam Quãng Bĩnh), và **Ma Linh** (bãc Quãng Trõ) ñẽ ñõi lãt tõi ñõ. Vua Lý chấp thuận. Ñãt lã ñã ñã tieã trong lịch sõi **ngõõi Việt mõi ñõ ñẽ cõng veõ phía nam**.

Chĩnh trong giai ñõan ñãt, ngõõi Việt học ñõõc cãch canh tãt vui mõi mõi sau ñãt và ñõ con gõi là vui **luã Chiẽm**. Vui Chiẽm là vui luã ñãn hãn, trong trẽn cãch canh ñõng xãu, giõõ hai mõi luã chĩnh trong năm. (20) Vui luã Chiẽm ñãn ngay giúp tãng sãn lõõng luã gão hãng ñãm, lã mõi yeõu toã thuã ñõi cho ñã gia tãng ñãn số ñõ yeõu toã cãn thiẽt cho mõi quõc gia trẽ trung mõi thanh lãp.

Vào thãng giẽng ñãm ñãm tyõ (1072), Lý Thánh Tông tõi trãn, ñẽ ñõ ñõ lãi cho con lã thãi tõi **Cãn Nõõc**, lúc ñõ mõi 7 tuõ (tuõ ñã).

## IV.- LY NHAN TÔNG (trò vì 1072-1127)

**Nieã hieã**: Thái Bình (1072-1075), Anh Voi Chieũ Thãng (1076-1084), Quãng Hõu (1085-1091), Hõi Phong (1092-1100), Long Phũ (1101-1109), Hõi Tõõng Nãi Khãnh (1110-1119), Thiẽn Phũ Dueã Voi (1120-1126), Thiẽn Phũ Khãnh Thõi (1127).

### 1.- Vieã nhieã chĩnh:

Thãi tõi **Cãn Nõõc** lên ngôi tõi vua Lý Nhân Tông. Nhân Tông là con của nguyên phi **Yõ Lan**, või thõi của Lý Thánh Tông. Theo trũyẽn thũy, Thánh Tông lõn tuõ ñõ mõi chõa cõi con, mõi hõm trẽn ñõõng ñi cãu tõi, Thánh Tông ngang qua lãng Thõi Loã (Bãc Nĩnh), mõi ngõõi ñẽu ra ñõõng xem vua ñi hãnh, chã cõi mõi cõ gãi hã ñãu ñõõng ñõa vào khõm lãn chõi khõng ra xem. Vua lãt lãm lãi, cho või vào cung, lãp lãm Yõ Lan phu ñãn (phu ñãn ñõã cãt lãn). Khi sinh ra hoãng tõi **Cãn Nõõc** năm 1066, vua lĩẽ lãp lãm thãi tõi phong bã Yõ Lan lãm thãn phi, và ñõ ñõ ñẽu lã Long Chõõng Thiẽn Tõi, ñõ ñẽ lãng Thõi Loã thanh lãng Siẽu Loã.

Khi ñãng quãng năm 1072 (ñãm tyõ), Nhân Tông mõi 7 tuõ (tuõ ñã), mõi vieã sãp ñãt trong triẽu cõi lẽ theo ñi chũc của vua cha. Bã võ ñãu của Thánh Tông hõi Dõõng, tuy khõng sinh ra Nhân Tông, ñõõng theo phong tũc Việt, Nhân Tông phã gõi lã ñĩch mõi, ñõõc tõi lãm hoãng thãi hãu, con mõi ruõ ñã ñã vua lã bã Yõ Lan ñõõc tõi lãm hoãng thãi phi. Nhân Tông con trẽ ñẽn Dõõng hoãng thãi hãu giõõ quyẽn nhieã chĩnh, ñõõc thãi sõ **Ly Nõã Thanh** phũ tãi lo vieã triẽu ñĩnh.

Yõ Lan hoãng thãi phi bãt mõi, lĩẽ kiẽm cãch chiẽm quyẽn, bãt giãm rõi giẽt chẽt hoãng thãi hãu. Thãi sõ Lý Nõã Thanh bõ giãng chõc lãm tã giãnh nghò ñãi phu, ñõ ñi lãm trĩ chãu Ngheã An. Nhân Tông tõi bã Yõ Lan lĩẽ lãm hoãng thãi hãu. Tõ ñãt bã Yõ Lan ñõõc gõi lã Linh Nhân hoãng thãi hãu, mõi mĩnh cãm quyẽn ñẽu khiẽn triẽu ñĩnh. (21) Sõi khõng ghi bã Yõ Lan nhieã chĩnh ñẽn ñãm ñã, chã bĩẽt giai ñõan rõi rõ ñã của triẽu ñãi Lý Nhân Tông chĩnh lã lúc bã Yõ Lan nhieã chĩnh: mõi khõ thi tã trõõng, lãp

quốc tòngiam, nảnh Tống, bình Chiêm. Bai Y Lan tởn nảnh năm 1117 (nảnh đầu). Trong suốt đời bap bap nảnh xây dựng trên 100 ngôi chùa ôi Thăng Long và Baç Ninh. (22)

## 2.- Nởntrở

Nảnh năm **1075** (at mả), triều nảnh môikhoa thi tam trởng nẻnkei chỏn nảnh tại ra giúp nỏic. Keatỏn khi Lê Long Nỏn (trỏ vi 1006-1009) cỏisỏithỏn sang Trung Hoa thỏnh *Cỏu kinh* (23) của Nỏ giỏb nảnh năm 1007 (nảnh mũi), nỏy laikhoa thi Nỏ hỏc nỏu tiẻn của nỏic ta. Trỏic kia chỏa cỏikhoa cỏi nảnh tại ra lam quan giúp nỏic nẻn phải do con nỏng Phỏ giỏb mảra. Khoa thi tam trỏng nỏu tiẻn nỏy chỏn nỏic hỏn mỏoi ngỏoi, trong nỏithuikhoa la **Lẻ/aẻ Thỏnh**. Lẻ nỏu, ỏng nỏic giao lam thỏy dạy vua hỏc, dần dần lẻn nẻn quỏc sỏ, nhỏng nảnh năm 1096 (bính ty) ỏng bỏ nghi ngỏlam phỏn nẻn bỏ bẻ nẻ an trí tại Thao Giang (Phủi Thỏi). (24)

Nảnh năm **1076** (bính thỏn), triều nảnh lỏp **quỏatỏngiam**, tẻn chỏn nhỏng ngỏoi cỏivỏn hỏc trong giỏi vỏn thỏn bỏvỏo dạy sỏ tỏikhỏp nỏi nẻn kinh nỏihỏc tỏp. Nảnh năm 1086 (bính đỏn), triều nảnh tỏachỏc kythi tẻn nhỏng ngỏoi cỏivỏn hỏc trên toỏn quỏc sung vỏo hỏn lam viẻn. **Mỏ Hẻẻ Tẻch** nỏnỏu, nỏic bỏ lam hỏn lam viẻn hỏc sỏ. (25)

Theo nỏng lỏi của cỏic vỏ vua trỏic, Ly Nỏn Tống gỏicỏng chỏn Khỏn Thỏnh (cỏileỏchỏ hay em vua) cho chỏu mỏc Vỏ Long (Tẻn Quang ngay nay) la Hỏ Di Khỏn nảnh năm 1082 (nảnh tuỏt), vỏcỏng chỏn Diẻn Bỏn cho thỏilỏn Phủi Lỏng la Đỏng Tỏi Mỏn nảnh năm 1127 (nảnh mũi). Tuy nẻn, cỏng cỏivỏi cuỏc nỏi dạy chỏng triều nảnh nhỏ Ly Giỏc ôi Diẻn Chỏu (Ngẻẻ An) nảnh năm 1103 (quy mủi), bỏ **Ly Thỏng Kẻẻ** đẻp yẻn, vỏ bỏtỏc Ma Sa (vung Hỏng Hỏa ngay nay), do chỏn nỏvua cam quan tiẻn trỏnảnh năm 1119 (Ky hỏi).

Nẻn bỏ vẻn ỏng nghiệp, triều nảnh ra lẻn **cỏn giẻvỏo đỏn trỏ**. Nhỏng keitỏn trỏu hay giẻ trỏu, cỏivỏ chỏng nẻn bỏ phỏt 80 trỏng, bỏ thỏng trỏu vỏ bỏ nỏy nẻ xa, ngỏoi laing giẻng khỏng nẻ cỏi tỏi bỏ phỏt 80 trỏng. Triều nảnh con ra lẻn dần chung **khỏng nỏic chỏcỏp vỏ mỏxỏuẻ** nẻn bỏ vẻ cỏy cỏi trong thỏi ky phỏc hỏi sau mỏ nỏng.

Ly Nỏn Tống lam vua khỏilỏ mỏkhỏng cỏicon trỏi, nẻn vỏo nảnh năm 1117 (nảnh đầu), vua chỏn con của ngỏoi em ruỏ la Sung Hẻn Hỏu (khỏng rỏtẻn) la **Ly Đỏng Hỏn**, lẻ nỏimỏi 2 tuỏi, lam **thỏtỏu**

## 3.- Ngoỏ giao

a) Chiẻn tranh Ly Tống:

**Quỏ Viẻ tá cỏng Trung Hoa:** Nảnh năm 1073 (quy sỏu), nỏ Tống cỏngỏoi sang phỏng Ly Nỏn Tống lam **Gỏ Chỏ Quỏ Vỏng**. Viẻ giao thiẻp Viẻ Hoa bẻ nỏu cỏng thỏng khi teatỏng nỏ Tống la **Vỏng An Thỏch** (1021-1086) mỏn mỏ tìm mỏ chiẻ cỏng ỏngỏi biẻn cỏng nẻnỏtrỏichỏn sỏch cỏi cỏch ỏi trong nỏic của ỏng ta. Triều nảnh nỏ Tống liẻn giao cho viẻn trí chỏu Ung Chỏu teẻn Tẻu Chỏi kinh ly viẻ nẻn Nỏ Viẻ. Tẻu Chỏi thỏy khỏikhỏn nẻn tỏchỏi. Tống triều liẻn cỏi Thỏn Khỏi (hay Trỏn Khỏi) lam trí chỏu Quẻ Chỏu, vỏ thỏ xếp viẻ chiẻn chỏn. Khỏng hẻi vì ly ỏo nỏ, Tống triều lai bỏi chỏc Thỏn Khỏi, vỏ cỏi Lỏu Gi lẻn thay. Lỏu Gi chỏn bỏ thẻn bẻ vủkhỏ, vỏ cam viẻ qua lai giao thỏng trong vung biẻn giỏi giỏn hai nỏic.

Triều nảnh Nỏ Viẻ đỏ biẻ nỏic nhỏng chỏn bỏ của Trung-Hoa, gỏi thỏ sang hỏi nỏ Tống thì bỏ Lỏu Gi đẻm nẻ. Do nỏi triều nảnh Nỏ Viẻ quẻ nỏn cỏi **Ly Thỏng Kẻẻ** vỏ **Toẻ Nỏ** nẻm mỏi vỏn quan tỏn cỏng trỏic.

Thỏng 11 nảnh at mả (**1075**), Ly Thỏng Kẻẻ nẻn phỏi Khỏn Chỏu vỏ Liẻn Chỏu (thuỏc Quang Nỏng ngay nay), giẻ hai tam ngỏ ngỏoi. Tỏn Nỏn nẻn phỏi Ung Chỏu (tỏc Nam Ninh thuỏc Quang Tỏy ngay nay) thỏng giẻng nảnh bính thỏn (**1076**). Sau khi hai thỏn, cỏ hai ỏng cho bẻ ngỏoi, laẻ của rỏi rỏt lủi.

**Trung Hoa trỏuẻ:** Thỏng chỏp nảnh bính thỏn (nỏ nảnh năm 1077), Tống triều sai Quỏch Quy lam Chẻu thỏ sỏ vỏ Triều Tẻ lam phỏisỏnẻn quan sang trỏithỏ nỏng thỏi ỏic hẻn vỏi Chiẻn Thỏnh vỏ

Chấn Lạp cũng một lần đem quân đánh Nam Việt tới hai mặt. (26) Lý Thường Kiệt chấn quân Tống ở sông **Nhớ Nguyệt** (sông Cầu qua xã Nhớ Nguyệt, Bắc Ninh). Quaich Quyển chuyên quân nên khúc sông **Phu Lôông** (sông Hồng ở Thăng Long). (27) Lý Thường Kiệt tiếp đánh những thế giặc rất mạnh, mấy bán hải cửa nhà phân hiệu chiến thuyền, và làm cho hàng ngàn binh số nước ta ở trên. Sĩ binh số nhà Tống, Lý Thường Kiệt phao tin có thần nhân báo mộng cho bán cầu thơ:

"*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,  
Tiên thiên nhiên phá tại thiên thố.  
Nhớ hà nghênh lo đại xâm phạm,  
Nhớ thiên ứng hạo khan thu bại hồ.*"

Hoàng Xuân Hãn dịch:

"*Sông núi nước Nam vua Nam coi,  
Rành rành phá thiên ở sách trời.  
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,  
Bay sấm sét chửi sạch tôi.*"

Quân lính nghe nước những câu thơ này nên hàng hai đánh giặc. Lữ Lôông nhà Tống bị chấn động. Hai bên cầm cự với nhau bất phân thắng bại. Triệu Ninh nhà Lý ở ngoài bờ bãi binh. Nhà Tống thấy khó thắng, nước thời binh số ở lại lâu không hợp thủy thổ nên chấp thuận, không vào chiếm giữ các châu ở biên giới nhờ Quảng Nguyên, Tô Lang, Tô Mậu, Quảng Lang (nằm ở vùng Cao Bằng, Lạng Sơn ngày nay).

#### Ta là bang giao Việt-Hoa:

Năm 1078 (mậu ngọ), triều đình Nam Việt cử Lê Văn Thịnh sang yêu cầu Trung Hoa trả lại đất và người Việt ở bờ biển phía đông sau cuộc chiến vừa qua. Nhà Tống trả lời lại Nam Việt phải trả lại số người Hoa mà quân Việt bắt về khi qua đánh Chăm Châu, Liêm Châu và Ung Châu. Năm sau (1079, kị mùi), Lý triều trả lại người cho Tống triều, và Tống triều trả lại đất và người ở bờ biển Việt. (28)

Năm 1084 (giáp tý), vua Nhân Tông cử Lê Văn Thịnh sang triều đình nhà Tống nhiều lần về nhà biên giới giữa hai bên. Lê Văn Thịnh ăn nói rất khéo, nên nhà Tống lại trả thêm một số người và nước vùng biên giới trước kia thuộc về Nam Việt. Cuộc bang giao Việt-Hoa tốt đẹp nên nhà Tống cũng gửi sang phong Lý Nhân Tông làm **Nam Bình Võông** năm 1087 (nhìn mão).

#### b) Ngoại giao với các nước phương nam:

Trước khi đem quân đánh Trung Hoa, Lý Thường Kiệt đã đem quân đánh Chiêm Thành vào tháng 8 năm甲午 (1075), không thành công. Lý Thường Kiệt về bản nước hình thể núi sông ba châu Núi Lý, Ma Linh, Bố Chính, rồi rút quân về. Lúc này Lý Nhân Tông mới cho nói tên **Núi Lý** thành **La Bình**, **Ma Linh** thành **Minh Linh**, và chuyển dân nên sinh sống, khai thác vùng đất mới này. Sau chuyển đánh Chiêm Thành, Lý Thường Kiệt nước phong làm thái uyển nước triều đình.

Chiêm Thành không chịu giao thiệp. Lý Nhân Tông cử Mạc Hiến Tích sang Chiêm năm 1094 (giáp tuất) để dò hỏi tình hình. Khi Lý Giác ở Diên Châu (Nghe An) bị Lý Thường Kiệt đánh nước năm 1103 (quý mùi), Lý Giác trốn qua Chiêm Thành. Lý Giác xui vua Chiêm là Chei Ma Na (Jaya Indravarman II) (29) tấn công Nam Việt. Chei Ma Na đem quân đánh lại ba châu Chei Cui, naitang cho Lý Thành Tông năm 1069, tức là các châu Núi Lý (tên mới là Lâm Bình), Ma Linh (tên mới là Minh Linh) và Bố Chính.

Năm 1104 (giáp thân), Lý Thường Kiệt lại đem quân đánh Chiêm Thành. Vua Chiêm thua chạy, ba châu này lại thuộc nước ta. Từ này Chiêm Thành thông cống người qua thăm viếng triều đình Nam Việt. Về phía nước ta, sau khi đem quân trả về Lý Thường Kiệt ở trên năm 1105 (ất dậu).

Nước Chân Lạp ở phía nam Chiêm Thành. Khi thay Chiêm Thành nối giao hảo với nước ta, Chân Lạp cũng gởi sứ qua thăm viếng xa giao các năm 1118 (mậu tuất), 1120 (canh tý), 1123 (quý mậu).

Ly Nhân Tông trị vì 12 năm (cuối 1127, qua năm 1128). Đây là triều vua lâu dài nhất trong lịch sử Việt Nam (55 năm). Đời triều vua này nước ta có hai lần sao chổi xuất hiện vào các năm 1098 (mậu dậu), 1106 (bính tuất), và hai lần nổi nạt năm 1098 (mậu dậu), 1107 (nhinh hồi). Con của Nhân Tông, tên Lý Đông Hoa, con của Sung Hien Hầu, nước này vua lập làm thái tử năm 1117 (nhinh dậu), lên kế vị baic, tức Lý Thần Tông, lúc mới mới 13 tuổi (tuổi ta).

## CHUỖ THÍCH :

1. TT1, bản dịch, tr. 240. CM, bản dịch, tr. 255.
2. TT1, bản dịch, tr. 240.
3. Thiên sử Vạn Hạnh hỏi Nguyễn, không rõ tên lai, người làng Cối Lặc, xuất gia từ năm 20 tuổi, lâu thông tam giáo (Phật, Khổng, Lão), nước vua Lê Nhân Hạnh hết sức tôn kính và mới hỏi ý kiến về các công việc từ nước, nên ông biết rất rõ tình hình nhà Tiền Lê và ông liền hỏi ông về các việc quan trọng triều. Thiên sử Vạn Hạnh là thầy dạy học Lý Công Uẩn. Ngay khi Lê Long Ninh còn sống, thiên sử Vạn Hạnh nghĩ nên việc chuẩn bị tông lai chính trị cho nhà vua của mình, nên hay rao giảng nhiều câu sấm kỳ diệu cuối năm nhân tâm, ví dụ như bài thơ sau này: " *Tây Lê chìm biển bể, / Ca Ly Uẩn mọc trời nam. / Bả phồng ta bính lờ, / Tả cõm mông bính an.* " Bài thơ này người hỏi Lê sẽ bị hai xương, hỏi Lý lên cầm quyền, và nạt nước sẽ nước thanh bình. Tông truyền rằng một hôm trời nổi mưa lớn, sét nánh một cây gạo làng Diên Uẩn, nên lại về hạn trên thân cây là một bài thơ khôi hài: " *Thui cae diee diee, / Moa biea thanh thanh. / Ho nao moa lac, / Thap bat tuu thap...* " Nghĩa là " *Re cae thae thae, / Ngoa cae xanh xanh. / Ho nao moa ngao Thap bat tuu thap...* " Sở Vạn Hạnh giải thích cho Lý Công Uẩn rằng: " *Ba chõ ho nao moa nhap lai thap chõ Le ba chõ thap bat tuu nhap lai thap chõ Ly uẩn chõ ho Le nao ho Ly uẩn le...* " Rồi Vạn Hạnh nói với Lý Công Uẩn: " *...Suy nao nhõng lõb sa trong thõng gian ga nao thì ho Ly chõ chõ chõ không hiệ lờ...* "
4. Chiều đời nhà CM, bản dịch, tr. 259.
5. TT1, bản dịch, tr. 242. CM, bản dịch tr. 261. Theo Nguyễn Duy Anh (1904-1988), trong *Nhân sử Việt Nam qua các nhà vua* có 12 đời nước các sách xóa ghi nhận là Thiên Trường (tổng nông vùng Nam Ninh), Quốc Oai (tổng nông vùng Hải Tây), Hải Ninh (tổng nông vùng Quảng Ninh), Kiến Xương (tổng nông phủ Kiến Xương và một phần Thái Bình), Khoái Lãm (tổng nông vùng Hồng Yên), Hoàng Giang (một phần Kiến Xương), Long Hồng (tổng nông một phần tỉnh Thái Bình), Bạc Giang, Trường Yên (Ninh Bình), Hồng Lãm (tổng nông vùng Thống và Hải Hưng, Hải Đông), Thanh Hoa, Diên Châu (tổng nông miền bắc tỉnh Nghệ An). Còn lại 12 đời không nước biết tên. (Nguyễn Duy Anh, *Nhân sử Việt Nam qua các nhà vua* Nxb. Thuận Hóa, Huế in lần thứ nhì, 1997, tr. 118.)
6. Kinh Tam tạng hay *Nai tạng* gồm *Kinh tạng*, *Lua tạng* và *Lua tạng*.
7. Tên và đời vua của Địch Thang Vôông, Vui Nãi Vôông, và Nông Chính Vôông, theo Trần Trọng Kim, VNSL tr. 118. Về tên việc tuởng Vũ Long là Hải An Tuấn theo TT1, bản dịch tr. 244, không theo CM, bản dịch, tr. 264, việc tuởng này tên là Trae Tuấn.
8. Sau khi Cao Biền nánh nuôi quan Nam Chiêu, lại lại Giao Châu vào năm 866 (bính tuất), nhà Nông nánh Tĩnh Hải quan (quan là một non và quan số) ở Giao Châu, và nánh Cao Biền làm Tiết độ sứ. Từ đời người nánh này Giao Châu thông nước giao kiêm luôn chức vui này.
9. TT1, bản dịch, tr. 251. CM, bản dịch, tr. 273.
10. Bả hình thơ này gồm 3 quyển, nay nánh tại truyền.
11. Hoàng nam: thời nhà Lý những người nánh ông nánh 18 tuổi ghi tên vào sổ bia vàng (hoàng sách), và những người này gọi là hoàng nam.
12. Thap ac: mỗi tới ac: 1) âm mưu phản quốc, 2) âm mưu làm việc nánh nghịch (giết vua, giết cha), 3) âm mưu phản bội, 4) hung ác bạo ngược, 5) bả nào nánh, 6) nánh bả kính, 7) bả hiệ với cha mẹ, 8) không ho thuận với anh em, 9) bả nghĩa, 10) loạn luân.
13. Lý Thái Tông năm mô thay Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, đặt nhà vua cùng lên, nên vua sai lập một cột nánh trên làm một chùa nhỏ nhõ hoa sen, ở kinh nánh Thăng Long, dân chung gọi nánh là chùa Một Cột.
14. Mu này xuất hiện vào giữa đời nhà Nông (618-907) bên Trung Hoa.
15. CM, bản dịch, tt. 302-303.
16. **Chu Công:** Tên là Nhân, con của Vạn Vôông (1186-1135), em của Voi Vôông (1134-1116). Voi Vôông là người sáng lập ra nhà Chu (1134-221 TCN). Khi Voi Vôông mất, Chu Công phõ con Voi Vôông tên là Tung mới 13 tuổi lên ngôi tức Thanh

Võng. Chu Công trong coi việc nước, giúp Thanh Võng nên tuổi trưởng thành. Chu Công chế ra nhạc và quan hoàn tang tế con cháu truyền nên ngày nay, và tiếp theo vua cha là Văn Võng soạn kinh *Dịch*.

**Khoảng Tới** (551-478 TCN): Nãi hiền triết Trung Hoa, xây dựng và phát triển Nho giáo, người nước Loã (Sơn Nãi, Trung Hoa ngày nay), thời nhà Chu, tên là Khâu (con nóc là Khâu), con của Thúc Lồng Ngồi và Nhan thố. Khoảng gần 30 tuổi, Khâu Khâu nên kinh nổi tiếng của Ấp của nhà Chu, và nhà Minh Nỗong do Chu Công lập ra, học tập và nghiên cứu. Khi về lại nước Loã Khâu làm quan một thời gian, nhưng không nóc trong dung, nên bỏ đi chu du khắp nơi, truyền bá tư tưởng của mình, nên năm 68 tuổi trở về nước Loã dạy học trò, san định lại kinh *Thi*, *Thổ*, *LeãNhac*, phê bình kinh *Dịch*, và viết kinh *Xuã Thu*.

**Từ thời** bốn hiền triết Nho giáo nóc phát hống trong khi cùng tế Nhan Tới Tăng Tới Tô Tô, Mạnh Tới (372-289 TCN).

17. *CM*, bản dịch, tr. 300.
18. Dohamide và Dorohiem, *Đại toàn Chăm lịch sử* Sài Gòn 1965, tt. 54-55.
19. Tổng truyền rằng khi cảm quan qua Chiêm Thành, Lyi Thanh Tông không thấy lời nên rút quân về Giã nông, nhà vua nghe tin ôi triệu nên bưng bưng phi Yllan giúp việc nói trò, lòng dân vui vẻ nên ông tới then rằng người nên ban con làm nên việc hưởng gì làm một ngày thiên tôn ông, nên ông quay binh tiếp tục công phá Chiêm Thành.
20. Theo các tác giả E. O. Reischauer và J. K. Fairbank trong sách *East Asia: The Great Tradition*, vào năm thế kỷ thứ 11, người Trung Hoa học nước cách trong lúc Chiêm của người Chiêm Thành, nên nói sai lầm của họ là hai thế kỷ 11 qua thế kỷ 12. Trung Hoa học nước, công giáo là nước ta cũng học nước vì lúc Chiêm phải bị tới Chiêm Thành, qua nước Nãi Việt, rồi mới lên Trung Hoa. (Edwin O. Reischauer, John K. Fairbank, *East Asia: The Great Tradition*, Houghton Mifflin Company, Boston, 1960, tr. 212.)
21. Về việc bại Yllan Chiêm quyền, các báo chí cũ chép rằng bại Yllan nói với Nhan Tông: "*Mei nã khon học môu công nay, bả giã cho ngòo khà ngòo hòng phu quy ù thi nã meivã nã và nã?*" Nhà vua liền bắt Đông hoàng thái hậu giam và ép phải chết. (*CM*, bản dịch, tr. 307.) Thật ra, một chuỗi bốn năm 7 tuổi thì chẳng biết làm gì. Nay là cuộc tranh chấp giữa hai bà hoàng, và Yllan thái phi nã tới chột là nã bà Đông hoàng thái hậu, coi thế với rồi tiếp tay của giám quan Lyi Thông Kiệt, vì sau vui thay nã nay, Lyi Nãi Thanh bị thái sung, rồi nã Nghe An, con Lyi Thông Kiệt trở thành quan nã triệu.
22. Nguyễn Khắc Ngọc *Myã hã coã ruyã Việt Nam*, Tủ sách nghiên cứu Sài Gòn, Montreal, 1981, tr. 97.
23. *Cổ sử kinh của Nho giáo gồm coi từ hã (Nãi học, Trung dung, Luã ngòo Mạnh tử)*, và *ngũ kinh (Thi, Thổ, LeãNhac, Xuã thu)*
24. *TT1*, bản dịch tr. 283. *CM*, bản dịch, tt. 308, 323.
25. Mạc Hiến Tích là ông toà của Mạc Nãi Chi và sau đó nã là Mạc Nãi Dung (Mạc Thái Toạ trị vì 1527-1530)
26. *TT1*, bản dịch tr. 278. *CM*, bản dịch tr. 311.
27. Theo lời chú của các soạn giả bộ *Công mục*, sông Nhõ Nguyệt ôi xã Nhõ Nguyệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (bản dịch tr. 212); sông Phũ Lồng là sông Hồng ôi khúc chảy qua Hải Nội (bản dịch tr. 262).
28. Khi Nãi Nguyễn nã rồi nẽm theo 5 thời với nã thuận thức tặng cho nhà Tông, nên lúc nãi người Hoa coi cái: "*Nhã tham Giao Chã tông, khòo thã Quãng Nguyã kim*" (vì tham voi Giao Chã mà tới nãi nãi Quãng Nguyễn).
29. Jaya Indravarman II lên làm vua Chiêm Thành năm 1080, bỏ người chủ Chiêm quyền tới vua Paramabodhisattva, cho nên năm 1086 Indravarman II mới lấy lại quyền hành, và trở về cho nên khi tới năm 1113. (Dohamide, Dorohiem, *sđđ*. tt 57-58.)